

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/01/2018

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Giờ bay	Người		
1		TD2	7:25	14	0	16	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01-Jan-18	TO: TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	04	1	3	115	76	KHOAN	Vietnamese
2	ĐINH DUY HAI	TD2	14	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	11-12	2	6		68	KHOAN	Vietnamese
4	HỒ VĂN HÙNG	TD2	16	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
5	LE HAI SON	TD2	02-03	2	18		75	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TỰ	TD2	13	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TIỀN QUANG	TD2	06	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN MINH	TD2	01	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
9	LE XUAN PHUONG	TD2	07	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HUNG	TD2	09	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	LE VINH THUẬT	TD2	15	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	08	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ CHI CÔNG	TD2	05	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG ANH	TD2	10	1	6		70	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	16	85	988	115	16		
TOTAL		14	16	85	988	115	16		
WEIGHT KG				85	988	115			

GRAND TOAL: 1.188 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRRM+PVD2	7:25	2+20	0+0	0+22	0+0		
2		CLO+TD5-PVD2	7:25	8+14	0+0	8+13	0+0	1 SC DI CLO	
3		TD3+CTK3+P4	9:25	18+0	0+0	12+2	0+0		

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02-Jan-18	TO: CLO - TD5 - PVD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - CHIẾN - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DEMIN	CLO	98	1	10		106	KHOAN	Russian
2	NGUYEN ĐAI QUẢN	TD5	83	1	10	35	102	KHOAN	Vietnamese
3	VÕ NGUYỄN KHANG	TD5	75	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	80	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN PHỤC	TD5	78-79	2	14		69	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	74	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
7	TÔ THANH HÙNG	TD5	76	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MINH CÔNG	TD5	81	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TIẾN DŨNG	TD5					74	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN HỒN	TD5	82	1	8		87	KHOAN	Vietnamese
11	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	73	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG NGỌC DANH	TD5	72	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	84	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN TRÚC TUYẾN	TD5	77	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN DAC KIM	PVD2	29	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
16	TRINH HUU KIEN	PVD2	28	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VU TRUONG GIANG	PVD2	26-27	2	10		56	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN THE DANG	PVD2	23	1	8		79	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN MINH VUONG	PVD2	31	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN DINH AN	PVD2	30	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM MINH HOA	PVD2	32	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
22	MURRAY PETER	PVD2	24-25	2	14		80	KHOAN	British

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	1	1	10	106	0	0		
2	TD5	13	13	77	969	35	13		
3	PVD2	8	10	57	532	0	8		
TOTAL		22	24	144	1.607	35	21		
WEIGHT KG				144	1.607	35			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/01/2018	TO: MRM - PVD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TTrung - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOANG	MRM	14	1	5		70	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TIẾP	MRM	12-13	2	7		75	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN HUY TU	PVD2	90-91	2	12		75	KHOAN	Vietnamese
4	DONALD LEE GAY	PVD2	72-73	2	17		150	KHOAN	American
5	LE KHAC KIEN	PVD2	74	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	71	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC QUY	PVD2	75-76	2	17		67	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG NHAT MINH	PVD2	78	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG PHONG	PVD2	88	1	10		86	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH THE	PVD2	87	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN DUC NGU	PVD2	82	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	MAI QUOC MINH	PVD2	84	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN HUY NINH	PVD2	81	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
14	HUYNH THANH TAM	PVD2					81	KHOAN	Vietnamese
15	LE QUANG HUNG	PVD2	86	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
16	DANG QUOC THAI	PVD2	83	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN DANH PHONG	PVD2	80	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
18	LE NGOC HA	PVD2	77	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
19	LE NGOC MANH	PVD2	79	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
20	LE XUAN TUYEN	PVD2	85	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN CHIEN THANG	PVD2	70	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
22	DO MINH THANH	PVD2	99	1	5		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	2	3	12	145	0	0		
2	PVD2	20	22	133	1.470	0	22		
TOTAL		22	25	145	1.615	0	22		
WEIGHT KG				145	1.615	0			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02-Jan-18	TO: TD3 - CTK3 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TTrung - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SOROKA A.S	TD3	31	1	7		115	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN TRUNG	TD3	22	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
3	KORIAKOV A.S	TD3	21	1	7		75	KHOAN	Russian
4	GOLOVIN G.B	TD3	20	1	7		110	KHOAN	Russian
5	VƯƠNG HỮU QUỐC THAI	TD3	23	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
6	BUI QUANG ĐĂNG	TD3	32	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ NGỌC HA	TD3	33	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
9	NGÔ DUY THÀNH	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẠO LÊ XUAN SƠN	TD3	29	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC THĂNG	TD3	30	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	17	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG NAM	TD3	24	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VIỆT HÙNG	TD3	34	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ THE HÙNG	TD3	19	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN SƠN	TD3	26	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
17	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD3	27-28	2	7		78	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HUU TRIỆT	TD3	18	1	9		64	DVL	Vietnamese
19	HO CONG TU	TD3	25	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG VIET THUAN	P4	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	19	18	100	1.428	0	12		
2	CTK3	0	0	0	0	20	2		
3	P4	1	1	5	70	0	1		
TOTAL		20	19	105	1.498	20	15		
WEIGHT KG				105	1.498	20			

GRAND TOTAL: 1.623 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TGTH1+HST+AMD	7:25	6+4+9	0+0+0		5+3+11	0+0+0	
2		TD1+P8+CNV	7:25	13+3+6	0+0+0		12+1+7	0+0+0	
3		CTK3+CLO	7:25	11+11	0+0		5+17	0+0	TRANS 2 PAX CTK3-CLO
4		P4+BK3+PPD	7:25	2+0+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	TRANS 1 PAX BK3-PPD
5		VSP02+RC3	7:25	22+0	0+0		22+0	0+0	CHO THUC PHAM RC3
6		P4+P10+TD5	7:25	22+0+0	0+0+0		13+1+6	0+0+0	
7		RP3+MRM	9:25	19+3	0+0		17+4	0+0	
8		AMD+P6+P2	9:25	11+1+10	0+0+0		9+2+6	0+0+0	
9		RP3+BK9+PPD	9:25	9+9+4	0+0+0		5+5+12	0+0+0	
10		RC5+VSP02+BK14	9:25	4+12+6	0+0+0		0+8+13	0+0+0	
11		P4+CTK3	9:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
12		PPD+RP2	11:25	22+0	0+0		10+8	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2018	TO: TGTH1 - HST - AMD	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:25
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Dũng - ATUÁN	ETA: 09:20
XANH-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TÂN TRÍ	TGTH1	48	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	TGTH1	49	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	TGTH1	50	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HỮU ĐĂNG	TGTH1	21	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
5	MOHD IRWANIZA BIN ABU BAKAR	TGTH1	22-23	2	15		95	KH-THAC	Malaysia
6	KIEU VAN TUAN	TGTH1	20	1	5		73	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN BÁ QUÂN	HST	90-91	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
8	VÕ TRUNG HIẾU	HST	92	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
9	SYED SALLEH BIN SYED SALIM ALH	HST	95-96	2	15		73	KH-THAC	Malaysia
10	LŨ VĂN HOÀ	HST	93-94	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH DUY	AMD	02	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN LÊ HOÀ	AMD	01	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ QUANG HUÂN	AMD	03	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SY QUYEN	AMD	09-10	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	08	1	6	114	65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC THẮNG	AMD	11	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THẾ HẢO	AMD	05-06	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ TRI HÙNG	AMD	04	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	CU XUAN HUY	AMD	07	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	6	7	54	450	0	5		
2	HST	4	7	52	298	0	3		
3	AMD	9	11	59	573	114	11		
TOTAL		19	25	165	1.321	114	19		
WEIGHT KG				165	1.321	114			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2018	TO: TD1 - P8 - CNV	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - MQUÂN	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROTKOV V.A	TD1	58	1	11	22	115	KHOAN	Russian
2	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	68	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN MINH	TD1	66	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
4	DƯƠNG XUÂN THĂNG	TD1	62	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1	61	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THIỆU	TD1	65	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	67	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	63	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN ĐĂNG KHOA	TD1	64	1	2		66	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN THIET	TD1	69	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRỌNG THĂNG	TD1					49	KHOAN	Vietnamese
12	TẠ NGỌC THANH	TD1	70	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG TUAN HAI	TD1	71	1	7	103	69	KH-THAC	Vietnamese
14	LA VAN ĐỨC	P8	83-84	2	16		61	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VIỆT HOA	P8	85-86	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN ĐỀ	P8	400	1	18		56	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN ANH HÙNG	CNV	39	1	10	45	75	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VĂN SƠN	CNV	44	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese
19	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	41-42	2	11		73	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NGỌC TRI	CNV					67	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG ĐÌNH VINH	CNV	43	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN NĂNG	CNV	40	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	13	12	73	935	125	12		
2	P8	3	5	49	176	0	1		
3	CNV	6	6	37	431	45	7		
TOTAL		22	23	159	1.542	170	20		
WEIGHT KG				159	1.542	170			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03-Jan-18	TO: CTK3 - CLO	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Nam - Linh - Luy - Huy	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN XUAN PHUC	CTK3	02	1	3		70	SBAY	Vietnamese
2	BUI THE DIEN	CTK3	09	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TIEN DUNG	CTK3	04	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN TRUNG HIEU	CTK3	10	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG VAN MANH	CTK3	08	1	5	30	65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH DUC	CTK3	07	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH QUANG HOAN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUC HUNG	CTK3	05	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN MINH	CTK3	03	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VAN BAC	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐAO THE HUNG	CTK3	06	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN HUNG	CLO	20	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUY QUANG	CLO	22-23	2	10		90	YTE	Vietnamese
14	LA VIET HUNG	CLO	26	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN VIET HUNG	CLO	25	1	7	90	70	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẬU VAN MINH	CLO	21	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
17	MAI VAN HOI	CLO					70	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN HUU SON	CLO	19	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN DINH HAI	CLO	18	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
20	ĐỖ HUY BINH	CLO	24	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
21	BUI TRAN QUANG	CLO	27	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	BUI DUC TRUNG	CLO	28	1	5		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	11	9	47	728	30	5	2	CHUYEN 02 PAX TU CTK3 SANG CLO
2	CLO	11	11	64	797	90	17		
TOTAL		22	20	111	1.525	120	22		
WEIGHT KG				111	1.525	120			

GRAND TOTAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2018	TO: P4 - BK3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - THỤ	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE VAN HOAN	P4	51	1	5		70	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NAM	P4	52	1	5		62	KHI	Vietnamese
3	LE XUAN MINH	PPD	03	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DUC QUANG	PPD	08	1	4		74	KHI	Vietnamese
5	MAMEEV E.Z	PPD	06	1	12		96	KHI	Russian
6	PHAM NGOC HUNG	PPD	17	1	5		77	KHI	Vietnamese
7	DUONG CHI TUYEN	PPD	02	1	5		68	KHI	Vietnamese
8	TRAN SON TOAN	PPD	18	1	8		69	KHI	Vietnamese
9	VU VAN QUYEN	PPD	12	1	4		65	KHI	Vietnamese
10	TRAN QUOC HUNG	PPD	05	1	6		55	KHI	Vietnamese
11	TRINH VAN CUONG	PPD	10	1	6		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VIET DAI	PPD					75	KHI	Vietnamese
13	DO VAN TUAN	PPD	04	1	4		73	KHI	Vietnamese
14	NGO XUAN HUONG	PPD	07	1	3	70	74	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN MINH HOANG	PPD	01	1	4		68	KHI	Vietnamese
16	TRAN LE RANG	PPD	19	1	10		86	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	11	1	4		67	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN ANH TU	PPD	15	1	10		75	KHI	Vietnamese
19	LE TRUNG LAN	PPD	13	1	4		81	KHI	Vietnamese
20	VU VAN SONG	PPD	09	1	5		70	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC THU	PPD	16	1	4		64	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	14	1	4		71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	2	2	10	132	0	0		
2	BK3	0	0	0	0	35	0		
3	PPD	20	19	107	1.453	70	22		
TOTAL		22	21	117	1.585	105	22		
WEIGHT KG				117	1.585	105			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2018	TO: VSP02 - RC3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - HIẾU	ETA: 09:30
TIM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDUARD YANDYAN	VSP02	27	1	14	20	81	KH-THAC	Russian
2	HOANG MINH TAN	VSP02	48-49	2	15		76	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	34	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN HIỆP	VSP02	37	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG HIEN	VSP02	40	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	SERGIENKO SERGEY	VSP02	28	1	10		70	KH-THAC	Russian
7	BOGDAN KARPENKO	VSP02	29-30	2	14		85	KH-THAC	Russian
8	GEFTMAN M R	VSP02	31	1	8		102	KH-THAC	Russian
9	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	37	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG MANH THANG	VSP02	45	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	VSP02	36	1	5		94	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI ANH SON	VSP02	39	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	DANG VIỆT THANH	VSP02	50	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐO VĂN PHU	VSP02	35	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN LUONG HA	VSP02	41	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN SAU	VSP02	46	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN HIỆP	VSP02	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUY PHUC	VSP02	47	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN GIA KHANH	VSP02	43-44	2	18		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	33	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN ĐÔNG	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUY THÔNG	VSP02	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	24	163	1.655	20	22		
2	RC3	0	0	0	0	100	0		
TOTAL		22	24	163	1.655	120	22		
WEIGHT KG				163	1.655	120			

GRAND TOTAL: 1.938 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2018	TO: RP3 - MRM	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IREK VALEEV	RP3	16	1	3		83	KH-THAC	Russian
2	PEVIKIN V.N	RP3	17	1	11		112	KHI	Russian
3	HA VAN THUY	RP3	05	1	4		74	KHI	Vietnamese
4	PHAM VAN KY	RP3	03	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	NGO THANH LAM	RP3	01	1	4		70	KHI	Vietnamese
6	PHAM QUOC KHANH	RP3					87	KHI	Vietnamese
7	ACTAKOV A.N	RP3					93	KHI	Russian
8	NGUYEN VAN VINH	RP3	07	1	5		76	KHI	Vietnamese
9	HOANG VAN HAI	RP3	14	1	7		59	KHI	Vietnamese
10	LE NHU NGUYEN	RP3	12,15	2	12		68	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TUNG	RP3	10	1	5		69	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VIET KY	RP3	11	1	5		68	KHI	Vietnamese
13	NGO NGOC HAN	RP3	13	1	5		58	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN PHUC HAU	RP3	06	1	8		74	KHI	Vietnamese
15	PHAM HONG THAI	RP3	08	1	6		68	KHI	Vietnamese
16	DOAN DUY HUNG	RP3	09	1	6		92	KHI	Vietnamese
17	HUYNH NAM LONG	RP3	02	1	9		61	KHI	Vietnamese
18	PHAM DUC TOAN LOC	RP3	04	1	10		77	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TUAN	MRM	15-16	2	15	117	59	D-HANH	Vietnamese
20	BUI THE QUAN	MRM	17-18	2	12	30	61	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	17	105	1.359	0	16		THAO 1 GHE DOI DE CHO HANG.
2	MRM	2	4	27	120	147	4		
TOTAL		20	21	132	1.479	147	20		
WEIGHT KG				132	1.479	147			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2018	TO: AMD - P6 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Nam - Linh - Luy - <i>Muoi</i>	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SYED SALIM BIN SYED TAHIR	AMD	28-29	2	15		72	KH-THAC	Malaysian
2	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	24	1	5		72	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN PHONG	AMD	25	1	5		73	PSV	Vietnamese
4	PHAM VAN TUAN	AMD	21	1	5		70	PSV	Vietnamese
5	ĐO ĐỨC CHI	AMD	30-31	2	7		70	PSV	Vietnamese
6	TRAN QUOC THANG	AMD	22-23	2	10		90	PSV	Vietnamese
7	LE ĐAC ĐONG	AMD	26	1	5		62	PSV	Vietnamese
8	TRAN NGOC BINH	AMD	19	1	4		60	PSV	Vietnamese
9	VU THANH TUYEN	AMD	27	1	5		75	PSV	Vietnamese
10	LE CONG VIET	AMD	20	1	5		55	PSV	Vietnamese
11	LE HUU VINH	AMD	18	1	8		56	PSV	Vietnamese
12	NG. VAN NAM	P6	88	1	7	20	70	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HONG DAN	P2	02-03	2	10		80	YTE	Vietnamese
14	NGUYEN VAN BAU	P2	04	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN MAI	P2	15	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
16	LE HONG DUNG	P2	05	1	5	80	70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LOI	P2	11-12	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
18	HA ANH CONG	P2	07-08	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN LE	P2	13-14	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI XUAN NGOC	P2	09-10	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN DUC DOAI	P2	06	1	5		62	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC KHANH	P2	01	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	14	74	755	0	9		
2	P6	1	1	7	70	20	2		
3	P2	10	15	87	681	80	6		
TOTAL		22	30	168	1.506	100	17		
WEIGHT KG				168	1.506	100			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2018	TO: RP3 - BK9 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - THU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	RP3	98	1	9		77	KHI	Vietnamese
2	ĐOÀN MẠNH TOÀN	RP3	97	1	4		84	KHI	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	85-86	2	10		93	KH-THAC	Vietnamese
4	LẠI VĂN MINH	RP3	92	1	5		63	KHI	Vietnamese
5	TẠ PHI KHÁNH	RP3				70	74	KHI	Vietnamese
6	LUƠNG ĐỨC THIÊN	RP3	87-99	2	10		91	KHI	Vietnamese
7	ĐOÀN XUÂN CHIẾN	RP3	90	1	5		68	KHI	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN NGHĨNH	RP3	88-89	2	13		70	KHI	Vietnamese
9	MAI ĐỨC CƯỜNG	RP3	91	1	5		74	KHI	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN TRÚC	RP3	97	1	5		66	KHI	Vietnamese
11	LƯU VĂN SƠN	BK9					79	KH-THAC	Vietnamese
12	VÕ THÈ HẬU	BK9	50	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	LUƠNG TUẤN ANH	BK9	53	1	9		86	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ TRƯỜNG AN	BK9	51	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG XUÂN SƠN	BK9	47-48	2	16		74	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI MINH HAI	BK9	46	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC HAI	BK9	52	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	49	1	3	50	77	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI ĐỨC KHÁNH	BK9	45	1	4		55	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN NĂM	PPD	25	1	5		69	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	27	1	5		49	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN VĂN THẮNG	PPD	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	12	66	760	70	6		
2	BK9	9	9	52	656	50	5		
3	PPD	3	3	15	188	0	11		
TOTAL		22	24	133	1.604	120	22		
WEIGHT KG				133	1.604	120			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03-Jan-18	TO: RC5 - VSP02 - BK14	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - HIẾU	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BELYAEV	RC5	65	1	5		88	KH-THAC	Russian
2	VU BA THUAN	RC5	66	1	9	56	66	KH-THAC	Vietnamese
3	LAI ANH TUAN	RC5	67	1	10	10	101	KH-THAC	Vietnamese
4	VO TRONG NHIEN	RC5	68-69	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN THE CUONG	VSP02	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN BINH	VSP02	02	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MINH DAN	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
8	DOAN THANH MAI	VSP02	09	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG QUANG TUYEN	VSP02	04	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	07	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM HUU DAT	VSP02	05	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
12	VU QUANG HUY	VSP02	08	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THE VINH	VSP02	06	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN GIA LONG	VSP02	10	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH VY	VSP02	12-13	2	12	8	65	KH-THAC	Vietnamese
16	KAZIKOV	VSP02	11	1	10		100	ANTOAN	Russian
17	AKIMIDI	BK14	25	1	11		90	KH-THAC	Russian
18	LUONG XUAN THANH	BK14	26	1	7	55	73	KH-THAC	Vietnamese
19	LE ANH TUAN	BK14	28	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
20	TRUONG VAN HAI	BK14	24	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VIET LONG	BK14	27	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM NGOC NINH	BK14	23	1	4		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	4	5	34	305	66	0		
2	VSP02	12	12	74	857	48	8		
3	BK14	6	6	37	464	55	13		
TOTAL		22	23	145	1.626	169	21		
WEIGHT KG				145	1.626	169			

GRAND TOAL: 1.940 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03-Jan-18	TO: P4 - P10 - TD5	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: PHÚ - L Hải - dũng - THẢO	ETA: 09:35
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	15	1	5		65	KHI	Vietnamese
2	PHẠM QUỐC DUY	P4	32	1	5		62	KHI	Vietnamese
3	LÊ VĂN MẠNH	P4					60	KHI	Vietnamese
4	TRẦN ĐẠI	P4	14	1	5		72	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN PHÚC	P4	39	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	29	1	5		72	KHI	Vietnamese
7	LÊ QUANG VINH	P4	33-34	2	10		70	KHI	Vietnamese
8	DUƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	30	1	5		75	KHI	Vietnamese
9	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	31	1	5		55	KHI	Vietnamese
10	ANSEROV V	P4					80	KH-THAC	Russian
11	NGUYỄN XUÂN NHẠC	P4	16	1	7		70	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG QUỐC VIỆT	P4	27	1	5		65	KHI	Vietnamese
13	NGO XUÂN NGHĨA	P4	17	1	5	70	65	KHI	Vietnamese
14	TRẦN TĂNG ĐƯƠNG	P4	19	1	5		55	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	P4	21	1	5		60	KHI	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH ĐẠO	P4	26	1	10		50	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU ĐỊNH	P4	20	1	5		78	KHI	Vietnamese
18	VÔ HỒNG QUÂN	P4	23-24	2	10		90	KHI	Vietnamese
19	PHAN QUYẾT THĂNG	P4	25	1	10		70	KHI	Vietnamese
20	TRẦN VĂN SÁU	P4	18	1	5		55	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU THỤ	P4	22	1	10		75	KHI	Vietnamese
22	BUI VĂN DANH	P4	28	1	5		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	22	127	1.479	70	13		
2	P10	0	0	0	0	20	1		
3	TD5	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	22	127	1.479	90	20		
WEIGHT KG				127	1.479	90			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2018	TO: P4 - CTK3	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: PHÚ - Bằng - dũng - THẢO	ETA: 11:35
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HIẾN	P4	55	1	10		60	KHI	Vietnamese
2	HỒ MINH TUẤN	P4	54	1	10	20	62	KHI	Vietnamese
3	TRẦN ĐÌNH HOÀN	P4	53	1	5		70	KHI	Vietnamese
4	LE HỒNG KỶ	P4	56	1	5		55	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	62	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	52	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	60	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN THIÊM	CTK3	57	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ NGỌC DƯƠNG	CTK3	61	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VIỆT HÙNG	CTK3	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	CTK3	55	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	68	1	12	55	75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU SỸ	CTK3	64	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ QUANG HẢI	CTK3	65	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	58	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	59	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM MINH DŨNG	CTK3	63	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ SỸ ĐỨC	CTK3	56	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG CÔNG DANH	CTK3	67	1	10	55	81	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	CTK3	66	1	13		70	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ MẠNH HÙNG	CTK3	53	1	9		76	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	4	4	30	247	20	0		
2	CTK3	17	17	121	1.203	110	22		
TOTAL		21	21	151	1.450	130	22		
WEIGHT KG				151	1.450	130			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03-Jan-18	TO: PPD - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Phong - KHÁI - MQUÂN	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DANH TUAN	PPD	28	1	6	130	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN QUY	PPD	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HOANG	PPD					89	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH NAM	PPD	32	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH VAN NHA	PPD	29-30	2	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TRUNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NHAT QUANG	PPD	36	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN VINH	PPD	33	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
9	DOAN VAN THUAN	PPD	99	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
10	DO XUAN HA	PPD	35	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC CU	PPD	97	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO SACH ĐỨC	PPD	31	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN MẠNH	PPD	37-38	2	17		68	KHI	Vietnamese
14	TRAN QUOC TOAN	PPD	700	1	7		77	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN CONG HUY	PPD	92	1	5		61	KHI	Vietnamese
16	NGO SY THANH	PPD	90	1	6		85	KHI	Vietnamese
17	PHAM VAN BAC	PPD	34	1	7		61	KHI	Vietnamese
18	VU LE HUNG	PPD	93	1	4		53	KHI	Vietnamese
19	LE VAN DUNG	PPD	95	1	3		68	KHI	Vietnamese
20	HOANG VAN HUY	PPD	94	1	4		81	KHI	Vietnamese
21	TRAN CONG LUC	PPD	91	1	4		63	KHI	Vietnamese
22	PHAM VAN SON	PPD	96	1	10		74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	22	117	1.527	130	11		
2	RP2	0	0	0	0	30	8		
TOTAL		22	22	117	1.527	160	19		
WEIGHT KG				117	1.527	160			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN